

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 694/2026/HS-ST

Ngày: 15 - 05 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực**

2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Mùi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 371/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 616/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2026/QĐST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chiêu T, sinh năm 1984, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ H, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai);** nơi cư trú: **Tổ A, Khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, tỉnh Đồng Nai);** giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông **Nguyễn Chiêu Q** và bà **Vy Thị L**; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1983 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 28/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/06/2023 (đã thi hành xong nghĩa vụ án phí).

Ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/04/2025 (đã thi hành xong nghĩa vụ án phí).

Nhân thân:

Ngày 20/06/2006, Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt và thi hành xong nghĩa vụ án phí);

Ngày 24/12/2013, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/06/2014 (đã thi hành xong nghĩa vụ án phí).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/06/2025 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1979, tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ D, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai)**; nơi cư trú: Như trên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 1/12; nghề nghiệp: Không; con ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Cao Thị N**; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 06 anh chị em; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/06/2025 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Anh **Trần Khánh H1**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: **Số B Quốc lộ A cũ, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).**

2/ Anh **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: **Số A L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên **Nguyễn Chiêu T** nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/06/2025, **Nguyễn Chiêu T** bắt xe khách đi từ **thị xã C, tỉnh Bình Phước xuống Thành phố Hồ Chí Minh**, khi đến đoạn đường gần ngã tư **Bình Phước thuộc phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh)** thì **T** xuống xe, đi bộ lang thang xung quanh các con hẻm, tìm kiếm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi bộ đến trước địa chỉ **nhà số B Quốc lộ A, Khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh)**, **T** phát hiện bên trong có 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen đỏ, biển số 59G2-433.98 đang dựng, cắm sẵn chìa khóa, cửa nhà không khóa và không có người trông coi nên **T** liền tiếp

cận chiếc xe nói trên, quan sát rồi lén lút dắt xe ra khỏi cổng nhà, sau đó lên xe, bật chìa khóa, đề máy và điều khiển xe nhanh chóng tẩu thoát về hướng huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai). Trên đường đi, T có sử dụng ứng dụng mạng xã hội Zalo tên tài khoản “Thanh Nguyễn” để liên lạc với Nguyễn Văn P tên tài khoản “Thanh P1” và hỏi P1: “có xe Vision không giấy tờ đang chạy từ trên Thành phố Hồ Chí Minh về bạn có mua không?”. P1 biết T thường xuyên đi trộm cắp và bán xe mô tô không giấy tờ nên P1 yêu cầu T chụp hình xe gửi qua ứng dụng mạng xã hội Zalo để P1 xem xe và chốt giá. Đến khoảng 21 giờ 25 phút cùng ngày, T chụp 02 bên của chiếc xe nói trên cho P1 thì cả hai bên thống nhất mua xe với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, cả hai thống nhất giao dịch mua bán xe tại dốc nhà bò, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) để tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T mang xe đến địa điểm đã hẹn để gặp P1 và giao xe. P1 đưa cho T số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền bán được xe T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận xe, P1 liên hệ với một người bạn ngoài xã hội tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để bán lại chiếc xe nói trên với giá 6.400.000 đồng thì T1 đồng ý và hẹn P1 đưa xe đến rừng cao su cách nhà P1 khoảng 30 km sẽ có người nhận xe, đưa tiền mặt. Đến ngày 04/6/2025, cả hai đến địa điểm được hẹn và giao dịch mua bán xe, T1 đưa cho P1 6.400.000 đồng tiền mặt. Cùng ngày, ông Trần Khánh H1 là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen đỏ, biển số 59G2-433.98 đến Công an phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) để trình báo sự việc.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 05/06/2025, Nguyễn Chiêu T đi bộ vào các đường hẻm ở khu vực gần trạm thu phí cầu P, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) tìm kiếm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T đi ngang qua nhà địa chỉ số C, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy cổng nhà không khóa, bên trong có 02 (hai) xe mô tô đang dựng trong sân nên T giả vờ rút điện thoại ra nghe máy và quan sát xung quanh. Nhận thấy không có người trông coi, T tiếp cận xe Honda Vision biển số 61C1-749.18 của chị Nguyễn Thị Trâm A có cắm sẵn chìa khóa, T lấy mũ bảo hiểm đặt ở trên xe đội lên đầu rồi lén lút dắt xe ra khỏi cổng nhà, sau đó điều khiển xe nhanh chóng tẩu thoát. T khai nhận sau khi chiếm đoạt xe trên bán cho P1, tuy nhiên P1 không thừa nhận hành vi mua xe Honda Vision biển số 61C1-749.18.

Ngoài ra, T còn khai nhận ngày 07/6/2025 đã chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen (không rõ biển số) trong đường hẻm gần trạm thu phí cầu P, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi chiếm

đoạt xe trên, T lấy biển số 61C1-749.18 của xe V đã chiếm đoạt ngày 05/6/2025 gắn vào và đem bán cho P1.

Qua truy xét nhanh và xác định đối tượng Nguyễn Chiêu T và Nguyễn Văn P có liên quan đến vụ việc nên đã mời T và P về trụ sở Công an phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) để làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Chiêu T và Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (Bút lục: 49-54; 83-92).

Kết luận định giá tài sản số 226-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59G2-433.98, số khung: RLHJF5813GY780343, số máy: JF66E0835188 có giá trị 21.667.000 đồng (hiện không thu hồi được) (Bút lục: 34).

Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 25/06/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61C1-749.18, màu đen đỏ, số khung: 5815GY716, số máy: JF66E0716 có giá trị 12.000.000 đồng (hiện không thu hồi được) (Bút lục: 218-219).

** Thu giữ, tạm giữ, tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:*

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen, gắn biển số 61C1-74918 (thu giữ của Nguyễn Văn P). Qua xác minh biển số 61C1-74918 là của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision số máy JF66E0716172, số khung RLHJF5815GY716126 do ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1969; Nơi thường trú: 1 L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Ông H2 giao xe cho con gái là chị Nguyễn Thị Trâm A (Sinh năm: 2000) sử dụng và bị mất trộm vào ngày 05/06/2025 tại 3 khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu vàng (thu giữ của Nguyễn Văn P);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng trắng (thu giữ của Nguyễn Chiêu T)

Tất cả các tài sản, đồ vật có liên quan đến vụ án trên đã chuyển đến Thi hành án dân sự Thành phố H – Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 để bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh **Nguyễn Thanh H2** yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Anh **Trần Khánh H1** yêu cầu bồi thường số tiền 21.667.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 623/CT-VKSKV2 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Nguyễn Chiêu T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) và truy tố bị cáo **Nguyễn Văn P** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - **Thành phố Hồ Chí Minh** vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) xử phạt bị cáo **Nguyễn Chiêu T** từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2025.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của các bị hại, bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Vào các ngày 03/6/2025 và 05/6/2025, **Nguyễn Chiêu T** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59G2-433.98 của anh **Trần Khánh H1** trị giá 21.667.000 đồng; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61C1-749.18, màu đen đỏ có giá trị 12.000.000 đồng của chị **Nguyễn Thị Trâm A** trị giá 12.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 33.667.000 đồng.

Ngoài ra, **T** còn chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen (không rõ biển số) vào ngày 07/6/2025. Hiện, chưa xác định được bị hại, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Bị cáo **Nguyễn Chiêu T** là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bất chấp hậu quả và pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, xã hội.

Bị cáo **Nguyễn Văn P** có hành vi tiêu thụ tài sản, biết rõ là tài sản do phạm tội mà có, bị cáo đã tiếp tay, khuyến khích cho tội phạm đồng thời gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc điều tra, thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, hành vi này trực tiếp xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – **Thành phố Hồ Chí Minh** truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

- Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Bị cáo **Nguyễn Chiêu T** đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025)

- Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Bị cáo **Nguyễn Văn P** biết rõ tài sản là do **T** phạm tội mà có nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Chiêu T** phạm tội hai lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Bị cáo **Nguyễn Văn P** không có tình tiết tăng nặng.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen, gắn biển số 61C1-749.18 (thu giữ của **Nguyễn Văn P**): Qua xác minh, biển số 61C1-749.18 là của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, số máy JF66E0716172, số khung RLHJF5815GY716126 do ông **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1969, đứng tên chủ sở hữu. Ông **H2** đã giao xe cho con gái là chị **Nguyễn Thị Trâm A** sử dụng và bị mất trộm vào ngày 05/6/2025. Do biển số 61C1-749.18 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông **H2** nên cần trả lại cho ông **H2**.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen nêu trên, do số khung, số máy không trùng khớp với phương tiện mang biển số 61C1-749.18, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp. Do đó, cần giao cơ quan thi hành án dân sự đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu đối với tài sản này, trường hợp tìm được chủ sở hữu thì trả lại cho chủ sở hữu, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu, sung quỹ nhà nước là phù hợp với các quy định pháp luật;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone XS Max màu vàng (thu giữ của **Nguyễn Văn P**) và 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus màu vàng trắng (thu giữ của **Nguyễn Chiêu T**): Xét thấy **T** và **P** sử dụng các điện thoại trên làm phương tiện liên lạc, trao đổi việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có do đó cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh **Nguyễn Thanh H2** yêu cầu bị cáo **T** bồi thường số tiền 12.000.000 đồng; bị hại anh **Trần Khánh H1** yêu cầu bị cáo **T** bồi thường số tiền 21.667.000 đồng. Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 226-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố T** và Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 25/06/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **Ủy ban nhân dân thành phố T** xác định 02 xe mô tô của anh **H2** và anh **H1** có tổng giá trị tương ứng như trên và hiện không thu hồi được. Xét đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của các bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo **T** đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của anh **H2** và anh **H1** nên có cơ sở ghi nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo **Nguyễn Văn P** thu lợi bất chính 400.000 đồng từ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Xét thấy số tiền nêu

trên bị cáo có được từ hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo **P** nộp lại vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 53; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chiêu T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho anh **Nguyễn Thanh H2** 01 biển kiểm soát số 61C1-749.18;

- Giao Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu đối với tài sản là 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen. Trường hợp tìm được chủ sở hữu thì trả cho chủ sở hữu, trường hợp không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu, sung quỹ nhà nước

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone XS Max màu vàng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus màu vàng trắng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 389/QĐ-VKSKV2 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao nhận tang tài vật số 520/BB2/26 ngày 13/5/2026 của Thi hành **án Dân sự Thành phố H**).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Chiêu T** bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 33.667.000 đồng, trong đó: Bồi thường cho anh **Nguyễn Thanh H2** số tiền 12.000.000 đồng, anh **Trần Khánh H1** số tiền 21.667.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn P** nộp lại số tiền 400.000 đồng vào Ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – TP. HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu

